

Lai Châu, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN,
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty: Báo cáo tài chính năm 2021, phương án phân phối lợi nhuận và lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2022.

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021:

I – Báo cáo kiểm toán số: 040322.001/BCTC.KT5 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, (có báo cáo kèm theo).

II – Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021:

| | | |
|---------------------------------------|------------------------|-------------|
| 1 – Tài sản ngắn hạn: | 9.689.209.206 | đồng |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền: | 1.281.319.657 | đồng |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn: | 7.984.780.619 | đồng |
| - Hàng tồn kho: | 423.108.930 | đồng |
| 2 – Tài sản dài hạn: | 245.924.428.061 | đồng |
| - Tài sản cố định: | 238.585.093.776 | đồng |
| + Tài sản cố định hữu hình: | 238.585.093.776 | đồng |
| Nguyên giá: | 281.438.380.797 | đồng |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | (42.853.287.021) | đồng |
| - Chi phí XDCB dở dang: | 4.189.724.285 | đồng |
| - Đầu tư tài chính dài hạn: | 3.145.000.000 | đồng |
| - Tài sản dài hạn khác: | 4.610.000 | đồng |
| 3 – Nợ phải trả: | 150.251.178.181 | đồng |
| - Vay và nợ tài chính ngắn hạn: | 23.045.000.000 | đồng |
| - Phải trả người bán ngắn hạn: | 6.695.385.511 | đồng |
| - Thuế và các khoản nộp Nhà nước: | 1.167.091.809 | đồng |
| - Phải trả người lao động: | 750.416.278 | đồng |
| - Chi phí phải trả ngắn hạn: | 8.002.847.487 | đồng |
| - Phải trả ngắn hạn khác: | 6.263.304.848 | đồng |
| - Vay dài hạn ngân hàng: | 104.327.132.248 | đồng |
| 4 – Vốn chủ sở hữu: | 105.362.459.086 | đồng |
| - Vốn điều lệ: | 120.000.000.000 | đồng |
| + Cổ đông Công ty CP Sông Đà 7.04: | 40.800.000.000 | đồng |
| + Cổ đông Công ty CP Sông Đà 7 : | 41.774.060.000 | đồng |



| | | |
|--|------------------|------|
| + Cổ đông Công ty CP Cao Nguyên-SĐ7: | 19.200.000.000 | đồng |
| + Các cổ đông thể nhân khác: | 18.225.940.000 | đồng |
| - Thặng dư vốn cổ phần: | (130.000.000) | đồng |
| - Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế: | (16.156.626.353) | đồng |
| + LN chưa phân phối LK cuối năm trước: | (21.357.130.115) | đồng |
| + LN chưa phân phối năm nay: | 5.200.503.762 | đồng |
| - Quỹ dự phòng tài chính: | 642.712.348 | đồng |
| - Quỹ đầu tư phát triển: | 1.006.373.091 | đồng |

III – Một số chỉ tiêu, kết quả hoạt động kinh doanh

| | | |
|--|------------------|------|
| 1 – Tổng giá trị SXKD: | 46.376.388.000 | đồng |
| 2 – Tổng doanh thu thuần: | 42.520.005.436 | đồng |
| 3 – Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN lũy kế: | (16.156.626.353) | đồng |
| + Lợi nhuận lũy kế đến cuối kỳ trước: | (21.357.130.115) | đồng |
| + Lợi nhuận năm 2021: | 5.200.503.762 | đồng |
| 4 – Thu nhập bình quân của CBCNV: | 13.253.000 | đồng |
| 5 – Các khoản phải nộp NSNN: | 7.716.949.000 | đồng |

B – Phương án phân phối lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021 (lãi): 5.200.503.762 đồng

Năm 2021 đơn vị chỉ tập trung công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 (8MW), đồng thời quyết toán thu hồi vốn phần dở dang xây lắp còn lại tại các công trình nhận thầu. Thời tiết trong năm thuận lợi có mưa nhiều hơn và không bị sự cố khi vận hành phát điện nên sản lượng phát điện thương phẩm của nhà máy tăng so với cùng kỳ năm trước, đồng thời lãi vay phải trả ngân hàng năm 2021 giảm do đã thanh toán được thêm khoản nợ gốc và lãi suất ngân hàng cũng giảm so với năm 2020, do vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty đã có lãi.

Phân phối lợi nhuận: Năm 2021 Công ty đã có lãi nhưng phải bù lỗ các năm trước theo quy định, do vậy lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2021 vẫn còn đang bị lỗ 16,1 tỷ đồng, vì vậy năm 2021 chưa có cổ tức để chia cho cổ đông.

C. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2022.

Đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Xin trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Nhuận



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 tiền thân là Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - tại Hòa Bình thuộc Tổng công ty Sông Đà, năm 2004 được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BXD ngày 11 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Năm 2009, Công ty hợp nhất với Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Thi, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400232452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Sơn Bình - Huyện Tam Đường - Tỉnh Lai Châu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|-----|------------------|------------|
| Ông | Nguyễn Hữu Nhuận | Chủ tịch |
| Ông | Nguyễn Hữu Doanh | Thành viên |
| Ông | Phạm Văn Toàn | Thành viên |

Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là:

| | | |
|-----|---------------|---------------|
| Ông | Phạm Văn Toàn | Tổng Giám đốc |
|-----|---------------|---------------|

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | |
|-----|-----------------|----------------|
| Ông | Ngô Quốc Thế | Trưởng ban |
| Ông | Nguyễn Văn Long | Kiểm soát viên |
| Ông | Nguyễn Cao Sơn | Kiểm soát viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính ;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phạm Văn Toán

Lai Châu, ngày 04 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 được lập ngày 04 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 200321.006/BCTC.KT5 ngày 20/03/2021 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến dự phòng công nợ phải thu, phân bổ thiếu lợi thế thương mại, trích thiếu khấu hao năm 2019 của dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Thi 2, ghi nhận thiếu doanh thu giá vốn tháng 12/2020, giá trị các khoản đầu tư và nhận ủy thác đầu tư. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty xử lý, khắc phục, dẫn đến chúng tôi tiếp tục phải đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, cụ thể như sau:

- Tại thời điểm 01/01/2021, Công ty chưa đánh giá trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu ông Đinh Văn Tuệ; ông Nguyễn Như Sùng; Công ty TNHH Phú Đức và Công ty Cổ phần Đô thị Việt Hoa với số tiền lần lượt là 151,45 triệu đồng; 796,69 triệu đồng; 233,66 triệu đồng và 54,12 triệu đồng (tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đã thực hiện đánh giá và trích lập toàn bộ dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản công nợ này). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập tại ngày 01/01/2021 (thuyết minh số 7).

- Giá trị lợi thế thương mại được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2020 và năm 2021 lần lượt là 1.000 triệu đồng và 900 triệu đồng. Trong khi theo quy định, toàn bộ chi phí này đã phải được phân bổ hết vào chi phí của các năm trước đó. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) và chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" (Mã số 261) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 01/01/2021 cùng phản ánh thừa số tiền 900 triệu đồng (thuyết minh số 9). Đồng thời chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 26) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và năm 2021 đang phản ánh thừa số tiền lần lượt là 1.000 triệu đồng và 900 triệu đồng.
- Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 đã tạm tăng nguyên giá theo chi phí tập hợp được đến thời điểm vận hành thương mại vào tháng 7/2018. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục liên quan đến Nhà máy nhưng chưa ghi nhận tăng nguyên giá bổ sung với giá trị 38.506,16 triệu đồng và chưa trích khấu hao tương ứng là 1.556,32 triệu đồng. Sang năm 2020, căn cứ trên hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành được duyệt, Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng nguyên giá của nhà máy theo giá trị quyết toán nhưng đến thời điểm hiện tại, giá trị khấu hao của năm 2019 nêu trên vẫn chưa được ghi nhận bổ sung. Do ảnh hưởng của vấn đề này, trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021 chỉ tiêu "Hào mòn lũy kế Tài sản cố định" (Mã số 223) đang phản ánh thiếu, và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang phản ánh thừa với cùng số tiền là 1.556,32 triệu đồng.
- Công ty đang ghi nhận doanh thu và giá vốn bán điện thương phẩm tháng 12/2020 vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021 với số tiền lần lượt là 1.485,4 triệu đồng và 68,9 triệu đồng do được bên mua điện xác nhận khối lượng và đơn vị xuất hóa đơn bán hàng sang tháng 01/2021. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 01/01/2021 đang phản ánh thiếu số tiền là 1.416,5 triệu đồng; đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" phản ánh thừa số tiền lần lượt là 1.485,4 triệu đồng và 68,9 triệu đồng.
- Tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021, Công ty đang theo dõi khoản nhận ủy thác đầu tư của các cá nhân tại chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán (thuyết minh số 16) với số tiền lần lượt là 3.235 triệu đồng và 3.145 triệu đồng. Các khoản ủy thác này được Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên (số tiền 1.402 triệu đồng - theo dõi ở chỉ tiêu "Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết) và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7 (số tiền tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021 lần lượt là 1.833 triệu đồng và 1.743 triệu đồng - theo dõi ở chỉ tiêu "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác") (thuyết minh số 12). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp về vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2021, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 36.234,84 triệu đồng; lỗ lũy kế đến 31/12/2021 là 16.156,63 triệu đồng, tương ứng 13,5% vốn góp của chủ sở hữu; nợ quá hạn chưa thanh toán là 6.942,76 triệu đồng (Xem thuyết minh số 13 và 16). Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3363-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 9.689.209.206 | 8.260.473.718 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 1.281.319.657 | 2.200.980.741 |
| 111 | 1. Tiền | | 1.281.319.657 | 2.200.980.741 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 7.984.780.619 | 5.633.297.047 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4 | 3.504.697.058 | 287.776.824 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5 | 4.506.808.800 | 4.203.208.800 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 1.155.073.541 | 1.142.311.423 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (1.181.798.780) | - |
| 140 | III. Hàng tồn kho | 8 | 423.108.930 | 426.195.930 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 423.108.930 | 426.195.930 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 245.924.428.061 | 259.344.103.313 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 238.585.093.776 | 251.016.344.028 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 238.585.093.776 | 251.016.344.028 |
| 222 | - Nguyên giá | | 281.438.380.797 | 281.438.380.797 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (42.853.287.021) | (30.422.036.769) |
| 240 | II. Tài sản dở dang dài hạn | | 4.189.724.285 | 4.189.724.285 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 11 | 4.189.724.285 | 4.189.724.285 |
| 250 | III. Đầu tư tài chính dài hạn | 12 | 3.145.000.000 | 3.235.000.000 |
| 252 | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 1.743.000.000 | 1.833.000.000 |
| 254 | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (1.598.000.000) | (1.598.000.000) |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 4.610.000 | 903.035.000 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 9 | 4.610.000 | 903.035.000 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 255.613.637.267 | 267.604.577.031 |

30
C
CHI
NG
A
NI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 150.251.178.181 | 167.442.621.707 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 45.924.045.933 | 45.970.489.459 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 6.695.385.511 | 8.840.073.151 |
| 313 | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 1.167.091.809 | 1.039.151.055 |
| 314 | 3. Phải trả người lao động | | 750.416.278 | 717.257.421 |
| 315 | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 15 | 8.002.847.487 | 7.517.439.816 |
| 319 | 5. Phải trả ngắn hạn khác | 16 | 6.263.304.848 | 6.211.568.016 |
| 320 | 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 17 | 23.045.000.000 | 21.645.000.000 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 104.327.132.248 | 121.472.132.248 |
| 338 | 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 17 | 104.327.132.248 | 121.472.132.248 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 105.362.459.086 | 100.161.955.324 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 18 | 105.362.459.086 | 100.161.955.324 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 120.000.000.000 | 120.000.000.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 120.000.000.000 | 120.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | (130.000.000) | (130.000.000) |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 1.649.085.439 | 1.649.085.439 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (16.156.626.353) | (21.357.130.115) |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | (21.357.130.115) | (17.672.394.901) |
| 421b | LNST chưa phân phối năm nay | | 5.200.503.762 | (3.684.735.214) |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 255.613.637.267 | 267.604.577.031 |

Lê Văn Cường
Người lập biểu

Phạm Văn Phong
Kế toán trưởng



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Lai Châu, ngày 04 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2021 | Năm 2020 |
|-------|--|-------------|----------------|-----------------|
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 42.520.005.436 | 34.519.421.110 |
| 10 | 2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 42.520.005.436 | 34.519.421.110 |
| 11 | 3. Giá vốn hàng bán | 21 | 21.505.899.520 | 22.523.205.638 |
| 20 | 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch | | 21.014.105.916 | 11.996.215.472 |
| 21 | 5. Doanh thu hoạt động tài chính | | 2.485.116 | 2.024.202 |
| 22 | 6. Chi phí tài chính | 22 | 12.113.879.603 | 16.129.489.994 |
| 23 | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 12.113.879.603 | 16.129.489.994 |
| 26 | 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 23 | 3.558.188.675 | 2.313.167.644 |
| 30 | 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 5.344.522.754 | (6.444.417.964) |
| 31 | 9. Thu nhập khác | | - | 2.999.815.205 |
| 32 | 10. Chi phí khác | 24 | 144.018.992 | 240.132.455 |
| 40 | 11. Lợi nhuận khác | | (144.018.992) | 2.759.682.750 |
| 50 | 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 5.200.503.762 | (3.684.735.214) |
| 51 | 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 25 | - | - |
| 60 | 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 5.200.503.762 | (3.684.735.214) |
| 70 | 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 26 | 433 | (307) |

Lê Văn Cường
Người lập biểu

Phạm Văn Phong
Kế toán trưởng



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Lai Châu, ngày 04 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--|--|-------------|------------------|------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 5.200.503.762 | (3.684.735.214) |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 25.724.443.519 | 28.888.654.640 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư | | 12.431.250.252 | 12.761.188.848 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 1.181.798.780 | - |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (2.485.116) | (2.024.202) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 12.113.879.603 | 16.129.489.994 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 30.924.947.281 | 25.203.919.426 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (3.533.282.352) | 17.807.301.034 |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 3.087.000 | (38.213.852) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (1.841.851.197) | (2.024.306.174) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 898.425.000 | 1.082.261.267 |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (11.628.471.932) | (15.810.958.065) |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | - | (174.294.580) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 14.822.853.800 | 26.045.709.056 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | | - | (1.140.096.646) |
| 27 | 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 2.485.116 | 2.024.202 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 2.485.116 | (1.138.072.444) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 5.300.000.000 | 13.400.000.000 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | | (21.045.000.000) | (37.785.000.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (15.745.000.000) | (24.385.000.000) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (919.661.084) | 522.636.612 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 2.200.980.741 | 1.678.344.129 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | 1.281.319.657 | 2.200.980.741 |

Lê Văn Cường
Người lập biểu

Phạm Văn Phong
Kế toán trưởng



Phạm Văn Toàn

Tổng Giám đốc

Lai Châu, ngày 04 tháng 03 năm 2022